

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ NĂNG LỰC SÁNG TẠO VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HUY NĂNG LỰC SÁNG TẠO CỦA CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN VIỆT DŨNG*

TÓM TẮT

Để hình thành nền kinh tế tri thức thì cần phải phát triển khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo; trong đó, yếu tố then chốt để phát triển các lĩnh vực nêu trên là nâng cao năng lực sáng tạo của con người. Bài viết tập trung phân tích về sáng tạo, nhất là năng lực sáng tạo của con người, từ đó đề ra phương hướng phát huy năng lực sáng tạo của người Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: sáng tạo, năng lực sáng tạo, người Việt Nam.

ABSTRACT

Some opinions in terms of creative ability and the orientation of promoting Vietnamese people's creative ability at the present time

In order to establish the knowledge economy of our country, it is necessary to develop science, technology, education and training, among which the key factor is to promote human beings' creative ability. This article focuses on analyzing the creativeness, especially the creative ability of human beings, so as to propose an orientation to promote the Vietnamese people's creative ability nowadays.

Keywords: creativeness, creative ability, Vietnamese people.

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghệ thông tin (IT) đã và đang đưa nhân loại chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức là nền kinh tế mà trong đó việc sản sinh, phổ biến, vận dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Nắm bắt được xu thế này của thời đại, Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đúng đắn trong việc đổi mới và phát

triển đất nước: “Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức... Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới” [3, tr.78]. Để hình thành nền kinh tế tri thức ở nước ta, thì cần phải phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Biện pháp quan trọng để phát triển hai lĩnh vực này là phát huy và nâng cao năng lực sáng tạo của con người Việt

* ThS, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Nam hiện nay. Khi năng lực sáng tạo được phát huy, Việt Nam mới có được nguồn nhân lực với hàm lượng trí tuệ cao, mới có những sản phẩm có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế, và nói chung mới phát triển được mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, hình thành kinh tế tri thức. Cho nên, việc tìm hiểu về năng lực sáng tạo của con người nói chung để từ đó làm cơ sở đưa ra phương hướng phát huy, nâng cao năng lực sáng tạo của con người Việt Nam hiện nay là vấn đề quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Sáng tạo và năng lực sáng tạo

Sáng tạo là gì? Nhà nghiên cứu Phan Dũng cho rằng: “Sáng tạo là hoạt động tạo ra bất kì cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi” [2, tr.14]. Sáng tạo là hoạt động chứ không phải chỉ là kết quả, và kết quả sáng tạo phải có 2 đặc điểm: tính mới và tính ích lợi. Quan điểm này cơ bản là đúng đắn. Tuy nhiên thuật ngữ “tính ích lợi” được dùng trong lĩnh vực sáng chế kỹ thuật hơn là trong mọi loại hình sáng tạo. Có những sản phẩm sáng tạo không chỉ là có “tính mới” mà nó là sản phẩm mới hẳn về chất, chẳng hạn những kiệt tác trong văn học, nghệ thuật. Hơn nữa, định nghĩa trên chưa liên hệ “sáng tạo” với “vấn đề”. Vấn đề có mối liên hệ chặt chẽ với sáng tạo. Người ta chỉ sáng tạo khi có vấn đề nảy sinh, quá trình giải quyết vấn đề cũng chính là quá trình sáng tạo. Từ đó, trên lập trường duy vật biện chứng, chúng tôi định nghĩa: *Sáng tạo là quá trình hoạt động của con*

người tạo ra cái mới có giá trị giải quyết vấn đề đặt ra một cách hiệu quả, đáp ứng nhu cầu xác định của con người.

Sáng tạo là năng lực đặc trưng vượt trội của con người so với loài vật. Nhờ có sáng tạo con người tạo ra những sản phẩm kì diệu mà thiên nhiên hào phóng không thể có được; tạo ra những sản phẩm vật chất và tinh thần ngày càng phong phú, đa dạng và tinh vi. Sáng tạo có ở trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người (khoa học, nghệ thuật, kinh tế, chính trị...). Bởi bất kì hoạt động nào không theo khuôn mẫu cũ khiến nảy sinh vấn đề và có sự giải quyết nó một cách thỏa đáng đều mang tính sáng tạo. Ở điều kiện phát triển bình thường, ai cũng có năng lực sáng tạo, chỉ khác nhau ở chỗ: năng lực sáng tạo cao hay thấp và có khả năng phát huy hay không.

Sáng tạo là hoạt động của con người gắn liền với tư duy giải quyết vấn đề nhưng không đồng nhất với tư duy. Bởi, một mặt nếu không có tư duy của chủ thể tìm lời giải cho vấn đề thì nó không thể được giải quyết, thiếu tư duy không thể có sáng tạo. Mặt khác, tùy theo trường hợp cụ thể, để giải quyết vấn đề, hình thành sản phẩm sáng tạo, thì không chỉ có vai trò chi phối của tư duy (của chủ thể) mà còn có sự tham gia của các yếu tố khác nữa (như giác quan, ý chí, tình cảm, thể lực... và những yếu tố bên ngoài như: công cụ, tư liệu, môi trường xã hội...). Cho nên, có bốn bộ phận hợp thành trong hoạt động sáng tạo của con người, đó là: (i) Chủ thể sáng tạo; (ii)

Vấn đề sáng tạo; (iii) Những điều kiện khách quan của sáng tạo (gồm: công cụ, phương tiện, tư liệu và môi trường sáng tạo); và (iv) Sản phẩm sáng tạo. Cả bốn bộ phận này có sự tác động tương hỗ lẫn nhau trong đó chủ thể sáng tạo là trung tâm, vấn đề sáng tạo là điểm khởi đầu (nảy sinh vấn đề sáng tạo ở chủ thể), sản phẩm sáng tạo là kết quả. Ở bộ phận thứ 3 (những điều kiện khách quan của sáng tạo) môi trường sáng tạo là yếu tố tác động tất yếu lên chủ thể sáng tạo, vì con người luôn nằm trong các mối quan hệ xã hội và trong đa số trường hợp, sự sáng tạo của chủ thể không thể thiếu những tư liệu, công cụ hay phương tiện vật chất. Giữa sản phẩm sáng tạo và ba bộ phận còn lại có mối quan hệ nhân quả. Nhìn chung, thiếu một trong 4 bộ phận trên thì không thể có sáng tạo.

Trong các bộ phận của hoạt động sáng tạo thì chủ thể sáng tạo giữ vai trò trung tâm. Trong chủ thể sáng tạo, yếu tố cốt lõi là năng lực sáng tạo của chủ thể. Nghiên cứu về sáng tạo, phương pháp sáng tạo cũng chỉ nhằm nâng cao năng lực sáng tạo của con người. Vậy năng lực sáng tạo là gì?

Huỳnh Văn Sơn cho rằng: “Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra những cái mới hoặc giải quyết vấn đề một cách mới mẻ của con người” [6, tr.29]. Tương tự, Hồ Bá Thâm có quan niệm ngắn gọn: “Năng lực sáng tạo là năng lực tạo ra cái mới về chất hợp quy luật” [8].

Trong Tâm lí học, năng lực được định nghĩa: “Là tổ hợp các thuộc tính độc

đáo của cá nhân, phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả” [7, tr.178].

Kế thừa những quan điểm trên, chúng tôi định nghĩa: *Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới có giá trị của cá nhân dựa trên tổ hợp các phẩm chất độc đáo của cá nhân đó.*

Năng lực sáng tạo là cái tiềm ẩn bên trong cá nhân, sáng tạo là sự hiện thực hóa năng lực sáng tạo của chủ thể bằng những sản phẩm sáng tạo. Một khi có năng lực sáng tạo thì liệu có ngay sản phẩm sáng tạo hay không? Trong đa số trường hợp, có năng lực sáng tạo của bản thân cá nhân thì chưa đủ, cần phải có điều kiện, môi trường sáng tạo để năng lực sáng tạo đó phát huy. Một kĩ sư có ý tưởng rất độc đáo về một loại máy bay đặc biệt nhưng nếu không có tiền, không có nhà xưởng, máy móc thiết bị để thiết kế thử nghiệm thì mãi mãi chỉ nằm ở dạng ý tưởng đơn thuần, không thể trở thành sản phẩm sáng tạo cụ thể, chưa kể đến môi trường sáng tạo có thuận lợi hay không; ủng hộ, khuyến khích hay chê bai, chế nhạo ý tưởng đó.

“Năng lực sáng tạo... dựa trên tổ hợp phẩm chất độc đáo của cá nhân đó”, vậy tổ hợp đó ở đây là gì? Đó chính là những đặc điểm về tâm - sinh lí (thể lực, trí tuệ...) của chủ thể, nhưng không phải là toàn bộ những yếu tố tâm - sinh lí mà chỉ có những yếu tố nào góp phần (hay tham gia) đáng kể vào việc hình thành nên sản phẩm sáng tạo. Xét về tổng thể,

có thể kể đến ba thành phần cơ bản trong năng lực sáng tạo, đó là tư duy sáng tạo, động cơ sáng tạo và ý chí.

Tư duy sáng tạo: Là hệ thống những thao tác, cách thức của não bộ xử lí, biến đổi các dữ liệu, thông tin nhằm hình thành ý tưởng, lời giải của vấn đề sáng tạo. Do vậy, tư duy sáng tạo phải bao gồm 4 yếu tố hợp thành, đó là:

(i) Thông tin, dữ liệu làm chất liệu đầu vào của tư duy. Chúng có thể được khai thác từ các nguồn: tri thức, kinh nghiệm (của bản thân và tiếp thu từ xã hội, nhưng chủ thể sáng tạo không trở thành “nô lệ” cho tri thức, kinh nghiệm đã có), khả năng của các giác quan nắm bắt đối tượng.

(ii) Vấn đề sáng tạo (đối tượng, mục đích mà tư duy hướng đến): Tư duy nảy sinh từ những tình huống có vấn đề, tư duy (hay tư duy sáng tạo) luôn có mục đích, do vậy hoạt động của nó mang tính hướng đích, chứ không phải là suy nghĩ lan man, không định hướng.

(iii) Hệ thống những thao tác, cách thức của não bộ xử lí, biến đổi (các dữ liệu, thông tin): Hệ thống này hoạt động trên cả 3 bình diện: tự ý thức, tiềm thức và vô thức. Hệ thống này bao gồm những thành tố, cách thức quan trọng như:

- Năng lực tưởng tượng: Là khả năng không thể thiếu của tư duy sáng tạo. Có thể nói những người có năng lực sáng tạo cao đều phải là người có khả năng tưởng tượng tốt. Người bình thường đều có khả năng tưởng tượng và khả năng này sẽ được phát huy, nâng cao khi tư duy tập

luyện. Trí tưởng tượng vừa thao tác vừa tạo ra dữ liệu cho tư duy.

- Trực giác: Là khả năng quan trọng trong phát minh khoa học, sáng chế. Trực giác là kết quả xử lí thông tin ở cấp độ tiềm thức và vô thức. Biểu hiện ở tầng tự ý thức là sự “lóa sáng”, sự thấu hiểu đột ngột. Trực giác không tự dung xuất hiện, nó chỉ xuất hiện ở chủ thể sau khi đã có quá trình tư duy lâu dài.

- Khả năng liên tưởng: Là sự liên tưởng đưa đến những dữ liệu, thông tin và ý tưởng.

- Những thao tác, cách thức tư duy sáng tạo quan trọng khác như:

+ Biến đổi, liên kết thông tin, dữ liệu một cách đa dạng, nhiều chiều.

+ Nhạy bén nắm bắt sự tương đồng giữa các đối tượng khác nhau.

+ Năng lực tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa, quy nạp ở mức cao.

(iv) Kết quả của tư duy sáng tạo: Là những ý tưởng (đa dạng), lời giải cho vấn đề sáng tạo. Nhiệm vụ quan trọng của tư duy sáng tạo là đưa ra lời giải của vấn đề sáng tạo. Nếu tư duy sáng tạo không đưa ra được lời giải có còn gọi là tư duy sáng tạo hay không? Khi ta coi ai đó là người có tư duy sáng tạo trong một lĩnh vực nhất định, thì có nghĩa người đó có năng lực tư duy sáng tạo và có khả năng đưa ra những ý tưởng, lời giải cho các vấn đề sáng tạo ở lĩnh vực đó (chỉ có điều mức độ sáng tạo như thế nào mà thôi). Nhưng điều này không đồng nhất với việc mọi lần thực hiện tư duy, người đó cũng hình thành được ý tưởng, lời giải, mà cũng có

những lần thất bại.

Trong bốn yếu tố trên, yếu tố thứ ba có thể coi là đặc trưng của tư duy sáng tạo.

Động cơ sáng tạo: Là cái thúc đẩy chủ thể thực hiện hoạt động sáng tạo. Động cơ bao gồm: động cơ bên trong (nhu cầu, xúc cảm, tình cảm... biểu hiện là mong muốn, cảm hứng, thích, say mê sáng tạo) và động cơ bên ngoài (tác động của xã hội: nhu cầu xã hội, tâm lí xã hội). Xét ở cá nhân thì động cơ bên trong là cơ bản, tuy nhiên nếu xét trên bình diện xã hội thì sự tạo động lực hay sự cản trở của xã hội có vai trò không nhỏ bởi nó ảnh hưởng đến việc phát huy năng lực sáng tạo ở đại đa số cá nhân trong xã hội đó.

Ý chí: Nếu động cơ thúc đẩy hành vi sáng tạo, tư duy đảm bảo hoạt động sáng tạo đưa ra lời giải của vấn đề thì ý chí sẽ giúp chủ thể vượt qua những khó khăn, cản trở trong quá trình sáng tạo nhằm đi tới đích. Sáng tạo đòi hỏi lòng kiên trì, can đảm, kiên định vượt qua những khó khăn, rào cản từ bản thân, điều kiện (thời gian, tài chính, phương tiện), định kiến xã hội và cả những thất bại tạm thời để hướng tới kết quả cuối cùng. Vì vậy, ý chí là yếu tố không thể thiếu ở cá nhân sáng tạo.

Năng lực sáng tạo của cá nhân không phải là một hằng số mà nó thay đổi trong cuộc đời của cá nhân, lúc thăng lúc trầm. Làm thế nào để đánh giá được năng lực sáng tạo của cá nhân? Năng lực sáng tạo được biểu hiện qua trình độ sáng tạo. Trình độ sáng tạo của cá nhân là sự

biểu hiện ra bên ngoài của năng lực sáng tạo, bằng những sản phẩm sáng tạo mà cá nhân đã tạo ra. Tuy nhiên, nếu nhìn vào một sản phẩm sáng tạo không thể đánh giá hết năng lực sáng tạo của cá nhân mà phải thông qua nhiều sản phẩm mới đánh giá được đầy đủ. Không thiếu những nhà thơ lớn nhưng lại có những bài thơ tầm thường, không thiếu những họa sĩ tài năng mà có những bức họa xoàng xĩnh.

2.2. Phương hướng phát huy, nâng cao năng lực sáng tạo người Việt hiện nay

Đối với người Việt Nam hiện nay, trình độ sáng tạo ở mức nào? Hãy xét một vài chỉ số sau:

Năm 2012, Tổ chức Sở hữu trí tuệ toàn cầu (World Intellectual Property Organization – WIPO thuộc Liên hiệp quốc) đã công bố chỉ số đổi mới và sáng tạo quốc gia, Việt Nam xếp thứ 76/141 nước, đứng thứ 5 trong khu vực sau Singapore, Malaysia, Brunei Darussalam, Thailand. Các năm trước đó, thứ hạng của Việt Nam như sau: Năm 2008 xếp thứ 65/153 nước, năm 2009: 64/130 nước, năm 2010: 71/132 nước, năm 2011: 51/125 nước. [9]

Như vậy, chỉ số đổi mới và sáng tạo của Việt Nam nhìn chung ở mức dưới trung bình.

Xét về chỉ số kinh tế tri thức KEI (hình thành trên cơ sở các chỉ số tri thức, chỉ số sáng tạo, chỉ số về giáo dục và công nghệ thông tin) do UNESCO đưa ra trong năm 2008 thì Việt Nam có chỉ số KEI là 3,02, xếp 102/133 nước, trong khi

các nước có thu nhập trung bình có chỉ số là 4,1. Chưa kể đến năng suất lao động của Việt Nam rất thấp, chỉ bằng 38% Trung Quốc và 27% Thái Lan. [10]

Chỉ số những bài báo khoa học được đăng trên các tạp san quốc tế cũng biểu hiện khả năng sáng tạo của các nhà khoa học Việt Nam. Trong thời gian 10 năm (từ 1996-2005), các nhà khoa học Việt Nam công bố 3456 công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp san quốc tế. So sánh với các nước trong khu vực thì số lượng ấn phẩm khoa học ở Việt Nam vào hàng thấp nhất: bằng 1/5 so với Thái Lan (14.594 bài trong cùng thời gian), 1/3 so với Malaysia (9742 bài), 1/14 so với Singapore (45.633 bài). Ngay cả so với Indonesia (4389 bài) và Philippines (3901 bài). [11]

Số bằng sáng chế cũng là chỉ số quan trọng và khách quan để đánh giá trình độ sáng tạo cũng như thành tựu khoa học của quốc gia đó. Từ năm 2006 – 2010, Việt Nam chỉ có 5 bằng sáng chế được đăng ký tại Mỹ. Xét trong năm 2011, Nhật Bản có 46139 bằng sáng chế, Hàn Quốc có 12262, Trung Quốc có 3174, Singapore có 647, Malaysia có 161, Việt Nam không có bằng sáng chế nào. [12]

Ở lĩnh vực giáo dục đại học, đến cuối năm 2012, Việt Nam có hơn 400 trường đại học, cao đẳng. Tuy nhiên, trong bảng xếp hạng thứ tự các trường đại học đạt chuẩn quốc tế thì Việt Nam chưa bao giờ có một trường đại học nào góp tên trong “Top 500”. Theo Nguyễn Đăng Hưng: “Giáo dục đại học Việt Nam

ở mức bao nhiêu của thế giới thì chưa rõ, nhưng ở mức rất tệ thì quá rõ ràng” [13].

Như vậy, những chỉ số trên (được xét trong phạm vi vài năm trở lại) cho thấy năng lực sáng tạo của người Việt Nam chưa được phát huy, trình độ sáng tạo còn ở mức thấp, có chăng người Việt Nam chỉ sáng tạo trong các cuộc kháng chiến cứu nước chống ngoại xâm. Tại sao vậy? Khi tìm hiểu lịch sử văn hóa tư tưởng của dân tộc thì chúng ta thấy rõ hơn thực trạng và nguyên nhân của trình độ tư duy của người Việt Nam hiện nay.

Con người vừa là chủ thể đồng thời vừa là sản phẩm của lịch sử. Trình độ tư duy hiện nay của người Việt Nam là kết quả từ 3 nguyên nhân cơ bản như sau:

(i) Có thể nhận định rằng từ mấy ngàn năm lịch sử đến nay, với những lí do khác nhau *nước ta chưa có một nền triết học và khoa học dân tộc, do vậy chưa có truyền thống tư duy triết học và khoa học*. Những học thuyết và tri thức khoa học có ở Việt Nam hầu hết được du nhập từ Trung Quốc, Ấn Độ (Nho, Phật, Đạo...) và nền văn minh phương Tây (chủ nghĩa Mác – Lê-nin, hệ tư tưởng tư sản...). Nhưng vấn đề là chúng ta chỉ “sao chép”, “cải biên”, hay “cải tiến”, “bổ sung” chứ không sáng tạo sản phẩm tư tưởng khác hẳn về chất, riêng biệt, không tạo ra cái “của riêng mình”. Nói như Đào Duy Anh thì người Việt Nam “não sáng tác thì ít, nhưng bắt chước, thích ứng và dụng hóa thì rất tài” [1, tr.23].

(ii) Từ trước đến nay, Việt Nam vẫn là

một nước nông nghiệp với nền sản xuất nhỏ (Việt Nam đang phấn đấu đến năm 2020, về cơ bản trở thành một nước công nghiệp) nên đại đa số người dân Việt Nam hoặc đang là tiểu nông hoặc có xuất thân từ tiểu nông. Do vậy, lối sống nông nghiệp, nếp tư duy của người tiểu nông đã trở thành “truyền thống” của con người Việt Nam từ ngàn đời nay. Trong cuốn sách “Đặc điểm tư duy và lối sống của con người Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lí luận và thực tiễn” của Viện Triết học đã nêu rõ quan điểm này: *Mặc dù chúng ta đã có một thời gian tiếp cận với các nền văn hóa phương Tây nhưng cốt cách tư duy của người nông dân sản xuất nhỏ vẫn còn in sâu đậm trong nếp nghĩ, làm cho tư duy của con người Việt Nam chưa có sự bứt phá và thay đổi một cách cơ bản.* [4]

Phương thức và trình độ tư duy của người tiểu nông ở đây chính là: tư duy dựa vào kinh nghiệm là chủ yếu, mang tính cảm tính, phiến diện, thiếu cơ sở logic, không hệ thống; tầm nhìn hạn chế, thiếu tư duy chiến lược, chỉ thấy cái lợi trước mắt mà không thấy cái hại lâu dài; phương thức tư duy giải quyết vấn đề có xu hướng duy tình, thường đơn giản, ngắn gọn, mang tính tiểu xảo. Ngoài ra, có một điểm hạn chế đáng lưu ý của người tiểu nông là bệnh lười tư duy, đúng như Nguyễn Văn Huyền (trong cuốn *Văn minh Việt Nam*) đã nói: “Người Việt có sự lười biếng về trí não, có xu hướng dễ dàng chấp nhận hết thảy và bắt chước hết thảy” [5, tr.52].

(iii) Một nguyên nhân quan trọng khác là ở nội dung và phương thức giáo dục đào tạo (từ năm 1975 đến nay) của Việt Nam. Về nội dung giáo dục: khối lượng tri thức quá tải (ở bậc trung học trở xuống), thiếu hụt, lạc hậu (ở bậc đại học trở lên), nặng về tri thức nhẹ về thực hành, yếu về kĩ năng; cấu trúc môn học chưa hợp lí; chỉ thấy vai trò của “học” mà coi nhẹ vai trò của nghiên cứu “sáng tạo”. Giảng dạy có tính áp đặt, nhồi nhét, không gợi mở tư duy, chưa khuyến khích, kích thích tính tích cực, sáng tạo của người học. Người học thường thụ động, đối phó, thực dụng là chủ yếu. Nói chung, nền giáo dục của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước, chưa hình thành được nguồn nhân lực có trình độ tư duy khoa học, tư duy sáng tạo (xét về đa số).

Vậy làm thế nào để phát huy và nâng cao năng lực sáng tạo của người Việt hiện nay?

Trước hết, đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quan trọng nhất đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước, đối với việc phát huy, nâng cao năng lực sáng tạo của người Việt.

Từ sự phân tích về sáng tạo và năng lực sáng tạo như trên, cho thấy việc phát huy và nâng cao năng lực sáng tạo người Việt cần theo hướng:

- Hình thành môi trường sáng tạo;
- Tạo điều kiện vật chất và tinh thần để cá nhân có năng lực sáng tạo phát huy;
- Nền tảng để hình thành tư duy sáng tạo, nhân cách sáng tạo nằm ở nội dung,

cơ chế và chính sách trong giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.

Cụ thể là:

▪ *Đối với giáo dục - đào tạo, nên:*

- Viết sách giáo khoa và giáo trình môn Sáng tạo học và Phương pháp luận sáng tạo với nội dung và trình độ phù hợp với các bậc học (từ cấp trung học cơ sở trở lên), đưa hai môn học này vào giảng dạy ở các bậc học trên với tư cách là hai môn học chính.

- Giáo viên, giảng viên lên lớp cần phải:

+ Hiểu và áp dụng được những phương pháp giảng dạy kích thích tư duy, óc sáng tạo của người học.

+ Có thái độ cởi mở, khuyến khích người học có ý kiến khác biệt, sáng kiến.

- Thay đổi tiêu chí đánh giá trình độ người học từ chỗ coi trọng việc hấp thụ tri thức đến việc đề cao năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành của người học.

- Có sự khen thưởng xứng đáng, biểu dương những giáo viên, học sinh, sinh viên đã có công trình sáng tạo, sáng kiến trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập.

▪ *Đối với khoa học - công nghệ, nên:*

- Đầu tư, tạo điều kiện cho những nhà khoa học, kỹ sư sáng chế biến ý tưởng triển vọng thành sản phẩm sáng tạo thực tế; đầu tư đặc biệt cho những ý tưởng đột phá.

- Tập trung, sưu tầm những vấn đề sáng tạo ở mọi lĩnh vực trong đời sống xã

hội thành một danh sách “hệ vấn đề sáng tạo”. Và danh sách này sẽ khơi nguồn sáng tạo trước hết cho các nhà khoa học, kỹ sư sáng chế.

- Lấy tính sáng tạo của sản phẩm khoa học, công nghệ làm tiêu chí cao nhất để đánh giá chất lượng sản phẩm, cũng như đánh giá hiệu quả công việc và định mức thu nhập của các nhà khoa học, kỹ sư sáng chế.

- Thiết lập viện nghiên cứu về sáng tạo; nhà khoa học, kỹ sư sáng chế là những người tạo ra, sử dụng thành thạo các phương pháp sáng tạo.

- Xây dựng thư viện, phòng thí nghiệm, thực nghiệm với những tư liệu, thiết bị công cụ đa dạng, tiên tiến, hiện đại nhất có thể.

▪ *Đối với các cơ quan báo chí, truyền thông, nhà xuất bản, nên:*

- Tổ chức các sự kiện tuyên truyền, đề cao vai trò của sáng tạo, phương pháp luận sáng tạo.

- Ưu tiên đăng tải, xuất bản những bài viết, ấn phẩm có nội dung về lĩnh vực sáng tạo, phương pháp luận sáng tạo.

▪ *Đối với các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực hành chính, kinh tế, văn hóa..., nên:*

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, nhân viên học ngoại khóa về phương pháp luận sáng tạo.

- Thực hiện chính sách: “Ý tưởng mỗi ngày” với nội dung: khuyến khích, yêu cầu mỗi cán bộ, nhân viên đóng góp ý tưởng, sáng kiến để nâng cao, hoàn

thiện, phát triển ngành của mình; bao hàm những khen thưởng xứng đáng cho cá nhân tích cực, cá nhân có ý tưởng sáng tạo.

- Khuyến khích, yêu cầu các cán bộ, nhân viên luôn tìm tòi, đổi mới phương pháp làm việc sao cho năng suất, hiệu quả công việc ngày càng cao.

▪ *Đối với các hoạt động văn hóa - xã hội, nên:*

- Tổ chức các cuộc thi, trò chơi về sáng tạo ở các lĩnh vực khác nhau chẳng hạn: cuộc thi về giải pháp bảo vệ môi trường; giải pháp an toàn giao thông; giải pháp an toàn lương thực, thực phẩm.

Trong tất cả các biện pháp trên, những biện pháp về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ giữ vai trò quan trọng nhất, có hiệu quả bền vững, lâu dài nhất đối với việc phát huy và nâng cao năng lực sáng tạo của người Việt Nam hiện nay.

3. Kết luận

Sáng tạo là quá trình hoạt động của con người tạo ra cái mới, có giá trị giải

quyết vấn đề đặt ra một cách hiệu quả. Trong hoạt động sáng tạo thì chủ thể sáng tạo giữ vai trò trung tâm. Trong chủ thể sáng tạo, yếu tố cốt lõi là năng lực sáng tạo của chủ thể. Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới có giá trị của cá nhân dựa trên tổ hợp các phẩm chất độc đáo của cá nhân đó. Nhìn chung, năng lực sáng tạo có 3 yếu tố cơ bản là: tư duy sáng tạo, động cơ sáng tạo và ý chí. Đối với người Việt Nam hiện nay, từ những số liệu trên nhiều phương diện cho thấy trình độ sáng tạo của chúng ta ở mức thấp. Đây là một điều đáng buồn. Tuy nhiên, từ những sáng chế của những người lao động bình dân, qua những thành tựu nổi bật về khoa học - công nghệ của người Việt ở nước ngoài, cho thấy tiềm năng sáng tạo của người Việt Nam là không nhỏ, vấn đề ở chỗ phải “đánh thức” tiềm năng đó. Phương hướng cơ bản là tạo ra môi trường sáng tạo và xác định: Nền tảng để hình thành tư duy sáng tạo, nhân cách sáng tạo là nằm ở nội dung, cơ chế và chính sách trong giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1951), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Bốn phương, Sài Gòn.
2. Phan Dũng (2010), *Giới thiệu: Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới (quyển một của bộ sách “Sáng tạo và đổi mới”)*, Nxb Trẻ, TP HCM.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Hà (chủ biên) (2011), *Đặc điểm tư duy và lối sống của con người Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Huyền (2005), *Văn minh Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

6. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Tâm lí học sáng tạo*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2005), *Tâm lí học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. http://www.chungta.com/PortletBlank.aspx/E87168AED88D45648F671CE3F2BB4818/View/Tu-Duy/Nguoi_Viet_Nam_can_tu_uy_sang_tao/
9. <http://laodong.com.vn/Xa-hoi/Nguoi-Viet-dang-kem-sang-tao/78486.bld>
10. <http://www.ncseif.gov.vn/sites/en/Pages/vandephattrienkinhte-nd-15965.html>
11. <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-xa-hoi/Moi-truong/239831/khoa-hoc-viet-nam-dang-o-dau.html>
12. <http://vietnamnet.vn/vn/khoa-hoc/78867/hon-9-000-giao-su-sao-khong-co-bang-sang-che-.html>
13. <http://vtc.vn/tapchi/383-355328/tap-chi/giao-duc-cao-tao-viet-nam-o-muc-nao-cua-the-gioi.htm>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-6-2013; ngày phản biện đánh giá: 16-7-2013;
ngày chấp nhận đăng: 20-8-2013)